

Bản án số: 02/2018/HS-ST

Ngày: 06 - 02 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đậu Thị Phú

Bà Lê Thị Lệ Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2017/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Trịnh Thị K, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1977; tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: kinh doanh Karaoke; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Minh K (đã chết) và bà Đàm Thị N; có chồng là Nguyễn Viết X, đã ly hôn; có 03 con, lớn nhất 21 tuổi, nhỏ nhất 10 tuổi; tiền án: có 01 tiền án: Ngày 23/4/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 20 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Chứa mại dâm” với thời gian thử thách 40 tháng; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2017 đến ngày 21/11/2017, được thay đổi bằng biện pháp “Bảo lãnh”. Bị cáo hiện đang được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Dương Thị Thúy Hòa, Luật sư Văn phòng Luật sư Minh Giang. Địa chỉ: số 7 đường Hà Văn Cách, khu phố 9, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Trịnh Thị K làm chủ quán Karaoke “Ngọc K” đóng tại thôn Di Lộc, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình được UBND huyện Q cấp giấy phép kinh doanh nhưng không đủ điều kiện về an ninh trật tự. Mặc dù không đủ điều kiện nhưng đến tháng 02 năm 2017, Trịnh Thị K vẫn mở quán Karaoke kinh doanh. Đến tháng 05 năm 2017, chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977 (tên gọi khác là Hà) ở xã P, huyện B đến quán xin làm nhân viên phục vụ để chọn bài hát và rót bia cho khách. K đã ra quy ước cho nhân viên: Trong quá trình tiếp khách, nếu khách có nhu cầu mua dâm thì nhân viên cứ dẫn khách đến các phòng nghỉ đã được bố trí sẵn trong khuôn viên quán để thực hiện hành vi mua bán dâm. Nếu nhân viên phục vụ khách hát thời gian 01 giờ được 300.000 đồng thì K sẽ trừ đi 100.000 đồng tiền phục vụ khách, nếu nhân viên bán dâm độc lập tại phòng nghỉ sau đó báo lại cho K thì Thị K lấy số tiền 100.000 đồng, nếu qua đêm thì phải trả cho K 200.000 đồng. Các nhân viên khác đến sau, khi đến phục vụ tại quán tự tìm hiểu các nhân viên trước chứ K không trao đổi nói lại nữa.

Với quy ước như trên, từ tháng 05 năm 2017 đến ngày 12/8/2017, tại quán Karaoke Ngọc K có các nhân viên Nguyễn Thị T1, Hoàng Thị Bích T, Cao Thị Đ và Nguyễn Thị T2 được Thị K gọi đến phục vụ khách hát karaoke và thường hay ở lại các phòng nghỉ do K quản lý.

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 12/8/2017, anh Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V cùng hai người bạn tên Q và P đến quán Karaoke “Ngọc K” để hát karaoke. Khi vào trong quán thì cả nhóm anh T yêu cầu chủ quán gọi nhân viên đến phục vụ hát nhưng K nói không có. Lúc này trong quán có các nhân viên Nguyễn Thị T2 và Cao Thị Đ nên K chỉ vào hai nhân viên và nói với nhóm anh T: “Có hai nhân viên này phục vụ được không?” thì nhóm anh T đồng ý. K liền điều các nhân viên Nguyễn Thị T2 và Cao Thị Đ vào chọn bài phục vụ nhóm anh T hát. Hát được một lúc thì K có vào tham gia cùng với khách, được khoảng 10 phút thì micro bị hỏng nên K đến sửa micro. Do nảy sinh nhu cầu quan hệ tình dục nên nhóm anh V và anh T hỏi K: “Quán mình có nhân viên đi tàu nhanh không?” (Ý nói có việc mua bán dâm không) thì K trả lời: “Chị không biết, em ra hỏi nhân viên”. Anh V và anh T hỏi chị Đ và chị T2: “Các em có đi tàu nhanh không” thì cả T2 và Đ nói: “Có, các anh đi với tụi em”. Sau đó, anh T cùng chị T2 đi vào phòng nghỉ số 2, anh V và chị Đ đi vào phòng nghỉ số 3 dãy phía nam của quán karaoke. Sau khi vào phòng, tại phòng số 3 chị Đ nói với anh V: “Anh cho em xin tiền” thì V hỏi lại: “Mấy tiền”. Đ nói: “Anh cho em 200.000 đồng” thì anh V đưa cho Đ số tiền 200.000 đồng. Còn tại phòng nghỉ số 2 anh T và chị T2 thỏa thuận với nhau là sau khi quan hệ tình dục xong mới đưa tiền, thống nhất giá 200.000 đồng/lượt. Khi các đối tượng trên đang quan hệ tình dục thì bị Tổ công tác Công an huyện Q kiểm tra phát hiện bắt quả tang tại phòng nghỉ số 2 và số 3 có hai đôi nam nữ đang có hành vi

mua bán dâm, nên yêu cầu Trịnh Thị K đến chứng kiến và lập biên bản phạm tội quả tang kèm theo thu giữ tang vật.

Trong quá trình điều tra, các đối tượng Hoàng Thị Bích T, Nguyễn Thị T1 làm nhân viên chọn bài hát karaoke cho khách đã thực hiện hành vi mua bán dâm nhưng trong quá trình điều tra không xác định được đối tượng mua dâm cụ thể vì vậy không có cơ sở xử lý về hình sự.

Đối với các đối tượng Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T, Cao Thị Đ và Nguyễn Thị T2 là những người mua bán dâm bị bắt quả tang nhưng không có hành vi môi giới hay tổ chức mua dâm nên không cấu thành tội phạm. Vì vậy các đối tượng này đã bị Công an huyện Quảng Trạch xử lý hành chính.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã thu giữ:

- 02 hộp đựng bao cao su nhãn hiệu Sweet love, loại hộp 12 cái, màu đen, bên trong không có bao cao su
 - 16 bao cao su, vỏ màu xanh, có dòng chữ love bên ngoài bao, chưa sử dụng
 - 23 vỏ bao cao su màu xanh, có dòng chữ love bên ngoài bao, chưa sử dụng
 - 07 bao cao su đã qua sử dụng
 - 01 tuýp gel bôi trơn, nhãn hiệu Val sofl gel
 - 01 hộp đựng bao cao su, màu tím nhãn hiệu Sweet love, bên trong có 12 cái chưa sử dụng
 - 01 hộp đựng bao cao su, màu hồng nhãn hiệu Sweet love, bên trong có 12 cái chưa sử dụng
 - 01 hộp đựng bao cao su, màu cam nhãn hiệu Sweet love, bên trong có 12 cái chưa sử dụng
 - 01 bao cao su nhãn hiệu sweet love bên trong có 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 bao chưa sử dụng
 - 01 đầu thu phát tín hiệu camera màu đen, nhãn hiệu @jhua có số xêri P/N1.0.0.1.01.11080#123, S/N: 2F019APBQ6ET31 đã được niêm phong.
 - Số tiền 400.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam do Cao Thị Đ và Nguyễn Văn T giao nộp.
 - 01 thẻ căn cước công dân số 04417700306 mang tên Trịnh Thị K cấp ngày 09/9/2016
 - 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số: 29D8000065 mang tên Trịnh Thị K
 - 01 giấy phép kinh doanh Karaoke do Giám đốc Sở văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Quảng Bình cấp cho Trịnh Thị K ngày 17/01/2013
 - 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone mặt sau màu vàng cát, mặt trước có viền màu trắng, đã qua sử dụng của Trịnh Thị K.
 - 01 giấy CMND số 194112708 mang tên Nguyễn Thị T1

- 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị T1
- 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mang tên Nguyễn Thị T1
- 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị T1
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng của Nguyễn Thị T1
- 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 73D1-12121 của Cao Thị Đ
- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 7.450.000 đồng của Cao Thị Đ

Tại quyết định xử lý vật chứng số 98A/CSĐT ngày 18/8/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Trạch đã xử lý như sau:

-Trả lại cho Trịnh Thị K: 01 thẻ căn cước công dân số 044177000306 mang tên Trịnh Thị K cấp ngày 09/9/2016;

-Trả lại cho Cao Thị Đ: 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 73D1-12121 mang tên Cao Thị Đ, tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam số tiền 7.450.000 đồng

-Trả lại cho Nguyễn Thị T1: 01 giấy CMND số 194112708 mang tên Nguyễn Thị T1; 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị T1; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mang tên Nguyễn Thị T1; 01 điện thoại di động samsung màu vàng của Nguyễn Thị T1.

Cáo trạng số 40/VKS-TA của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q ngày 30/11/2017 đã truy tố Trịnh Thị K về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 254 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trịnh Thị K về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 254 của Bộ luật hình sự. Đề nghị áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; tiết 2 điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Thị K từ 18 đến 24 tháng tù. Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt tại Bản án số 12 ngày 23/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, buộc bị cáo K phải chấp hành chung hình phạt của 2 bản án. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 1.300.000 đồng. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone cho bị cáo K.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố đối với bị cáo Trịnh Thị K về tội danh. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo có hoàn cảnh quá khó khăn chồng đã ly hôn, phải nuôi 3 con ăn học và nuôi mẹ đẻ đã già yếu, bị bệnh tật; bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo K tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải; bị cáo nhận thức về pháp luật còn hạn chế và hiểu biết về pháp luật quá kém; bị cáo có bố là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về cấu thành tội phạm: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trịnh Thị K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Xét lời khai nhận tội của bị cáo Trịnh Thị K tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với biên bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang và phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Vào khoảng 20 giờ 30 ngày 12/8/2017, bị cáo Trịnh Thị K đã cho Nguyễn Thị T2, Cao Thị Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V mua bán dâm tại quán karaoke do bị cáo quản lý thu lợi bất chính 200.000 đồng. Khi các đối tượng T2, Đ, T, V đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị lực lượng Tổ công tác Công an huyện Q kiểm tra phát hiện bắt quả tang. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: hành vi cho người khác mua bán dâm tại quán nhà của mình nhằm mục đích thu lợi bất chính mà Trịnh Thị K thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm”. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cùng các tình tiết khác có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến đạo đức xã hội, xâm hại đến trật tự quản lý công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, làm ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục và đạo đức, lối sống và là nguyên nhân làm lây truyền các bệnh xã hội. Vì vậy cần phải xét xử bị cáo mức án nghiêm khắc để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng: Bị cáo Trịnh Thị K có 1 tiền án về tội “Chứa mại dâm”, tuy nhiên bị cáo không tu chí làm ăn, đúc rút cho mình những bài học kinh nghiệm để sống tuân thủ pháp luật mà còn tiếp tục tái phạm trong thời gian thử thách. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại tiết 2 điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách

ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ý thức chấp hành pháp luật.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho bị cáo Hội đồng xét xử cũng cần nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính; bị cáo có bố được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo có hoàn cảnh hiện tại rất khó khăn, chồng đã ly hôn, phải nuôi các con ăn học và nuôi mẹ đẻ đã già yếu, bệnh tật. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với: 01 thẻ căn cước công dân số 044177000306 mang tên Trịnh Thị K cấp ngày 09/9/2016; 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 73D1-12121 mang tên Cao Thị Đ, tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam số tiền 7.450.000 đồng; 01 giấy CMND số 194112708 mang tên Nguyễn Thị T1; 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị T1; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mang tên Nguyễn Thị T1; 01 điện thoại di động samsung của Nguyễn Thị T1, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã trả lại các vật chứng cho chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 400.000 đồng là số tiền trong quá trình mua bán dâm mà có do Cao Thị Đ và Nguyễn Văn T giao nộp và số tiền 900.000 đồng do Trịnh Thị K thu được từ việc chứa mại dâm giao nộp là tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có nên cần phải tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của Trịnh Thị K trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã làm rõ không liên quan đến vụ án, vì vậy trả lại cho bị cáo Trịnh Thị K là phù hợp.

Đối với 02 hộp đựng bao cao su nhãn hiệu Sweet love bên trong không có bao cao su; 16 bao cao su chưa sử dụng; 23 vỏ bao cao su màu xanh chưa sử dụng; 07 bao cao su đã qua sử dụng; 01 tuýp gel bôi trơn, nhãn hiệu Val sofl gel; 01 hộp đựng bao cao su màu tím nhãn hiệu Sweet love có 12 cái chưa sử dụng; 01 hộp đựng bao cao su, màu hồng nhãn hiệu Sweet love có 12 cái chưa sử dụng; 01 hộp đựng bao cao su, màu cam nhãn hiệu Sweet love có 12 cái chưa sử dụng; 01 bao cao su nhãn hiệu sweet love bên trong có 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 bao chưa sử dụng. Xét thấy các vật chứng này hiện không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 đầu thu phát tín hiệu camera màu đen, nhãn hiệu @jhua có số xêri P/N1.0.0.1.01.11080#123, S/N: 2F019APBQ6ET31 đã được niêm phong, hiện đang còn giá trị sử dụng cần tịch thu sung công quỹ giá trị chiếc đầu thu này.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 29D8000065 mang tên Trịnh Thị K đã bị Ủy ban nhân dân huyện Q ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 724/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2014.

Đối với 01 giấy phép kinh doanh Karaoke số 08//GP-SVHTTDL của Sở Văn hóa, Thể thao, Du lịch tỉnh Quảng Bình cấp ngày 17/01/2014 cho Trịnh Thị K. Sở Văn hóa, Thể thao, Du lịch tỉnh Quảng Bình đã ra Quyết định số 32/QĐ-SVHTTDL-NVVH ngày 13/3/2014 về việc bãi bỏ Giấy phép kinh doanh karaoke này đối với Trịnh Thị K.

[5] Về án phí: Bị cáo Trịnh Thị K phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 254; điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; tiết 2 điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 5 Điều 60 Bộ luật hình sự 1999; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự 2015; Điều 41 Bộ luật hình sự 1999, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Thị K phạm tội “Chứa mại dâm”

Xử phạt bị cáo Trịnh Thị K 12 (mười hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 20 (hai mươi) tháng tù của Bản án số 12/2014/HSST ngày 23/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Q, buộc bị cáo Trịnh Thị K phải chấp hành chung của hai bản án là 32 (ba mươi hai) tháng tù. Nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2014 đến ngày 27/01/2014 tại Bản án số 12/2014/HSST ngày 23/4/2014 và thời gian tạm giữ, thời gian tạm giam từ ngày 12/8/2017 đến ngày 21/11/2017. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng của vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 hộp đựng bao cao su, bên trong không có bao cao su; 16 bao cao su chưa sử dụng; 23 vỏ bao cao su chưa sử dụng; 07 bao cao su đã qua sử dụng; 01 tuýp gel bôi trơn; 01 hộp đựng bao cao su màu tím bên trong có 12 cái chưa sử dụng; 01 hộp đựng bao cao su màu hồng bên trong có 12 cái chưa sử dụng; 01 hộp đựng bao cao su màu cam bên trong có 12 cái chưa sử dụng 01 bao cao su nhãn hiệu sweet love bên trong có 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 bao chưa sử dụng;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 đầu thu phát tín hiệu camera.

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Thị K 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone mặt sau màu vàng cát, mặt trước có viền màu trắng, đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 400.000 đồng do Cao Thị Đ và

Nguyễn Văn T giao nộp.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 900.000 đồng do Trịnh Thị K giao nộp theo biên lai thu tiền số 0002734 ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

Các vật chứng trên có đặc điểm được mô tả theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch ngày 22/12/2017.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Trịnh Thị K phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/02/2018).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- CA huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Q;
- CCTHADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án .

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

